

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:136/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, nơi cư trú: Thôn x, xã c, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế G; nơi cư trú: Thôn x, xã c, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị D trình bày: Chị D và anh Nguyễn Thế G tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã c, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 14-9-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng hơn 1 năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày cũng như việc nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã

được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Được ly hôn với anh Nguyễn Thế G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, Nguyễn Thế Nam, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013, khi ly hôn, cháu Nam có nguyện vọng được ở với anh G chị D chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh G đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và anh G cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội D khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thế G; giao con chung Nguyễn Thế Nam sinh ngày 20-02-2013 cho anh G nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Thế G kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn UBND xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 14-9-2012 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị D đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh G đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị D và anh G đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị D cung cấp là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo mở phiên họp hòa giải nhưng anh G đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị D, anh G có phát sinh mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thế Nam sinh ngày 20-2-2013, hiện nay đang ở cùng với anh G, cháu Nam có đơn đề nghị gửi Tòa án có nguyện vọng được ở với anh G, và chị D cũng đồng ý nguyện vọng của cháu Nam. Vì vậy cần giao cho chung Nguyễn Thế Nam cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Thế G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thế G

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thế Nam sinh ngày 20-02-2013 cho anh Nguyễn Thế G nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0015890 ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D, anh Nguyễn Thế G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

